

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2023.

“V/v tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Hội thâm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Phụng**.
2. Bà **Huỳnh Thị Chi**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoàng Khôi** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 31/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Lê Trần Thanh P**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số A, đường L, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*Xin vắng mặt*).

* **Bị đơn:** Ông **Lương Minh D**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số D, khóm B, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2022 và quá trình tố tụng giải quyết vụ án,
nguyên đơn bà Lê Trần Thanh P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lương Minh D tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/12/2014. Sau khi kết hôn, bà và ông D sống chung với nhau hạnh phúc đến khoảng sau năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D thường xuyên rượu chè bê bối, không lo cho gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Dù đã khuyên ngăn níu kéo nhưng ông D không thay đổi đến đầu năm

2022 bà và ông D ly thân nhau, bà P dẫn con về nhà cha mẹ và từ đó mạnh ai nấy sống không ai quan tâm lo lắng cho nhau. Nay bà P xác định hôn nhân không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với ông Lương Minh D.

- Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung là Lương Gia P1, sinh ngày 06/10/2016, hiện do bà P vẫn đang chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lương Gia P1, sinh ngày 06/10/2016 và yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Quyền và nghĩa vụ tài sản: Bà P xác định bà và ông D không có nợ gì của ai và cũng không ai nợ vợ chồng bà; tài sản chung bà và ông D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lương Minh D: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, vụ án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có thể hiện ý kiến yêu cầu được ly hôn với ông Lương Minh D, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lương Gia P1, sinh ngày 06/10/2016 và yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; quyền và nghĩa vụ tài sản không yêu cầu xem xét giải quyết; không bổ sung, cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Bà Lê Trần Thanh P xin ly hôn với ông Lương Minh D, đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình nên bà P là người có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn; bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V do đó thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất ngờ và trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Trần Thanh P, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân giữa bà và ông D được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Do bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ ý kiến trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy vì đời sống hôn nhân giữa bà P và ông D bị đổ vỡ, tình cảm vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lo lắng cho nhau; ông D vi phạm nghĩa vụ vợ chồng trong hôn nhân dẫn đến hôn nhân không còn sự tự nguyện, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thông nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Trần Thanh P được ly hôn với ông Lương Minh D.

- Về con chung: Bà P và ông D có 01 con chung tên Lương Gia P1, sinh ngày 06/10/2016. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có ý kiến tranh chấp quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng Lương Gia P1, sinh ngày 06/10/2016 đến khi tròn 18 tuổi. Ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về quyền và nghĩa vụ tài sản: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung, bị đơn vắng mặt không có văn bản đề nghị giải quyết tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn nên không đặt ra để xem xét giải quyết vấn đề này.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, bị đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội và phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Trần Thanh P.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Trần Thanh P được ly hôn với ông Lương Minh D.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Gia P1, sinh ngày 06/10/2016 cho bà Lê Trần Thanh P tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lương Minh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) đến khi con chung Lương Gia P1 đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu xem xét giải quyết và thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ tài sản của các đương sự: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Trần Thanh P nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, khấu trừ tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số N_o 0001535, ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long nên bà P không phải nộp thêm; ông Lương Minh D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- UBND phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn